

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 244/2025/HC-PT
Ngày 16 tháng 9 năm 2025
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đầu tư

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường
Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa
Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn T - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 10 và 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc
thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 399/2025/TLPT-HC ngày 26 tháng
5 năm 2025 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đầu tư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 117/2024/HC-ST ngày 09 tháng 9
năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 604/2025/QĐXX-
PT ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty TNHH C1;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, Chức vụ: Giám
đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn C, sinh năm 1957 và bà Lê
Quỳnh V, sinh năm 1991; cùng có mặt

Cùng địa chỉ: Số E P, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay

là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Trung H1 và ông Phan Minh H2 là các Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; ông H1 có mặt, ông H2 vắng mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân Thành phố H; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1938; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn C, sinh năm 1957; cùng địa chỉ: Số E P, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH C1 là Người khởi kiện; ông Nguyễn Văn H là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo trình bày của Người khởi kiện là Công ty TNHH C1:* Ngày 03/4/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND quy định về trình tự, thủ tục triển khai Dự án đầu tư phát triển Du lịch sinh thái tại các Khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây viết tắt là Quyết định 22). Dự án Khu rừng thiên nhiên H xã B, huyện X là dự án liên quan đến rừng và được chấp thuận chủ trương sau hơn 02 tháng kể từ ngày Quyết định 22 có hiệu lực. Căn cứ vào quy định này và Mục 5 Văn bản 3443 đều quy định mốc thời gian 12 tháng kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư để nhà đầu tư hoàn thành các công việc đầu liên quan đến dự án. Tại Mục 5 Văn bản 3443 quy định: “Thời gian để Công ty TNHH C1 (sau đây viết tắt là Công ty C1) nghiên cứu, triển khai dự án là 12 tháng kể từ ngày ký văn bản này, các chi phí nghiên cứu đầu tư dự án do Nhà đầu tư chi trả. Nếu quá thời hạn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh C chủ trương mà nhà đầu tư không triển khai thực hiện, không có lý do chính đáng và không được UBND tỉnh chấp thuận thì văn bản này hết hiệu lực;”. Tại Điều 8 của Quyết định 22 quy định: “Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu nhà đầu tư không hoàn thành khảo sát, nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc không lập dự án đầu tư mà không có lý do chính đáng và không được UBND tỉnh chấp thuận thì các văn bản thỏa thuận địa điểm và chấp thuận chủ trương đầu tư đương nhiên hết hiệu lực thi hành và bị hủy bỏ...”. Như vậy, Văn bản 3443 chỉ chấm dứt hiệu lực khi Công ty C1 không hoàn thành khảo sát, nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trong thời hạn 12 tháng mà không

có lý do chính đáng và không được Ủy ban nhân dân tỉnh B chấp thuận. Tính từ ngày 04/6/2009 là thời điểm Công ty C1 được Ủy ban nhân dân tỉnh B chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án cho đến khi hoàn thành nghiên cứu khảo sát và có Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 vào ngày 27/11/2011 là khoảng 19 tháng. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian này thì Ủy ban nhân dân tỉnh B và các ban, ngành liên quan đã “chiếm dụng” hết 11 tháng chỉ để giải quyết vấn đề xác định ranh mốc đất và thỏa thuận địa điểm để khảo sát lập quy hoạch chi tiết. Từ đó cho thấy Công ty C1 đã tuân thủ đúng quy định tại Mục 5 Văn bản 3443 và Quyết định 22 nên việc Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Văn bản số 8986/UBND-VP ngày 10/9/2018 để chấm dứt hiệu lực của Văn bản số 3443/UBND-VP ngày 04/6/2009 là không có căn cứ pháp luật, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty C1. Vì vậy, Công ty C1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 8986/UBND-VP ngày 10/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- *Người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:* Năm 2008, Công ty C1 xin chủ trương đầu tư Dự án Khu du lịch Hồ Đăng . Khu đất Công ty C2 thực hiện dự án chưa có quy hoạch nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Quyết định số 23/2007/QĐ-UBND ngày 19/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh B thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục xin phép chủ trương đầu tư. Theo hồ sơ đề nghị chủ trương đầu tư dự án của Công ty C1 thể hiện nhà đầu tư đề xuất vốn đầu tư khoảng 8.000 tỷ đồng. Căn cứ vào Điều 48 Luật Đầu tư năm 2015, dự án trên phải được Ủy ban nhân dân tỉnh B thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Từ năm 2014 đến năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B đã phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức nhiều buổi làm việc với Công ty C1, đồng thời tạo điều kiện cho nhà đầu tư thực hiện dự án chứng minh năng lực tài chính nhưng Công ty C1 không thực hiện được. Tại cuộc họp ngày 03/6/2016, Sở T2 xác định một phần khu đất có diện tích khoảng 40ha phía biển đã được quy hoạch là đất chuyên dùng nên phải đấu giá hoặc được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Văn bản số 8986/UBND-VP ngày 10/9/2018 chấm dứt hiệu lực pháp lý Văn bản số 3443/UBND-VP ngày 04/6/2009 là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án xét xử bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

- *Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H:* Ông H là người đại diện theo pháp luật của Công ty C1 có yêu cầu được lưu lại khu Hồ Đăng như hiện tại để tiếp tục thực hiện các công việc chăm sóc, giữ gìn, bảo vệ và phát triển làm cho khu H được sinh động trở lại, đồng thời giữ gìn hồ nước ngọt và tiếp tục giữ đất sạch tại khu vực này bằng chi phí của cá nhân ông H. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh B thay đổi quy hoạch đối với khu vực Hồ Đ trong tương lai thì tạo điều kiện cho ông H và nhà đầu tư mới có thể thỏa thuận hỗ trợ phù hợp với quy định pháp luật và thỏa đáng cho những công sức đóng góp của ông H tại khu vực Hồ Đăng . Nếu

không thực hiện được, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh B hỗ trợ thoả đáng đối với công sức đóng góp của ông trong việc xây cất, chăm sóc, trồng rừng, tu bổ, tôn tạo bảo vệ khu vực Hồ Đ, giữ gìn đất sạch không tranh chấp trong vòng 30 năm qua.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 117/2024/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định (tóm tắt):

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C2 hủy Văn bản số 8986/UBND-VP ngày 10/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc chấm dứt hiệu lực pháp lý của Văn bản số 3443/UBND-VP ngày 04 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, Công ty C1 và ông Nguyễn Văn H cùng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty C1 và ông Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty C1 trình bày quan điểm:

Tại Văn bản số 3027/UBND-VP ngày 21/3/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh B xác định năm 2008, Công ty C1 có văn bản xin chủ trương đầu tư Dự án Khu rừng thiên nhiên H, xã B, huyện X (sau đây viết tắt là Dự án). Theo xác nhận của ban ngành liên quan thì dự án trên chưa có quy hoạch nên phải thực hiện thủ tục xin phép chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 19/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Về phía cơ quan chức năng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũng đã đồng ý đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh B cho chủ trương triển khai Dự án. Luật Đầu tư năm 2014 không quy định nhà đầu tư trong nước phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư mà chỉ quy định đối với dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh B, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Công ty C1 phải thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận đầu tư là không đúng.

Ngày 03/4/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND quy định về trình tự, thủ tục triển khai Dự án đầu tư phát triển Du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây viết tắt là Quyết định 22). Dự án Khu rừng thiên nhiên H xã B, huyện X là dự án liên quan đến rừng và được chấp thuận chủ trương sau hơn 02 tháng kể từ ngày Quyết định 22 có hiệu lực. Căn cứ vào quy định này và Mục 5 Quyết định 3443 đều quy định mốc thời gian 12 tháng kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư để nhà

đầu tư hoàn thành các công việc đầu liên quan đến dự án. Trên thực tế, từ tháng 6/2009, Công ty C1 đã xúc tiến việc xin thỏa thuận địa điểm để lập quy hoạch chi tiết 1/500 nhưng do có chồng lấn ranh với V1 thú hoang dã Safari nên ngày 10/11/2009 Công ty C1 đã ban hành Văn bản số 26 xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh B để xác định ranh mốc và diện tích đất đầu tư dự án và tại Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 08/9/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh này cũng đã thu hồi 14 ha đất rừng từ dự án Vườn thú hoang dã Safari giao cho Dự án. Tính từ ngày 04/6/2009 là thời điểm Công ty C1 được Ủy ban nhân dân tỉnh B chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án cho đến khi hoàn thành nghiên cứu khảo sát và có Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 vào ngày 27/11/2011 là khoảng 19 tháng, nhưng trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh B và các ban, ngành liên quan đã “chiếm dụng” hết 11 tháng chỉ để giải quyết vấn đề xác định ranh mốc đất và thỏa thuận địa điểm để khảo sát lập quy hoạch chi tiết. Vì vậy, nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Công ty C1 đã vi phạm thời hạn 12 tháng là không phù hợp thực tế.

Về năng lực tài chính: Ngày 14/6/2016, Công ty C1 ban hành Văn bản số 03 có nội dung cam kết ký quỹ và bảo đảm tài chính để thực hiện dự án. Tại Mục 3 của Công văn này, Công ty C1 cũng đã xác định nguồn vốn đầu tư Dự án là 450 tỷ đồng được huy động từ Ngân hàng và vốn chủ sở hữu, ngoài ra còn có tài sản khác là số dư tài khoản cá nhân ông H và nhà đất tại 5 P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp đó, tại Công văn số 04 ngày 03/9/2017, Công ty C1 kiến nghị xin được tiếp tục thực hiện Dự án, trong đó nêu rõ đã chuẩn bị được gần 800 tỷ đồng gồm: Thỏa thuận hợp tác giữa Công ty C1 và T1 có giá trị 5.000.000 USD; Thư bảo lãnh của Ngân hàng V2 là 750.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân tỉnh B lại cho rằng Công ty C1 không đủ năng lực tài chính là không phù hợp.

Trong quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét tới quá trình làm việc, đối thoại, đề xuất phương án giải quyết giữa Công ty C1 và Ủy ban nhân dân tỉnh B; chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và tình hình Dự án tại thời điểm hiện tại.

Đối với cá nhân ông Nguyễn Văn H: Trong quá trình làm việc, ông H có yêu cầu được lưu lại khu Hồ Đắng như hiện tại để tiếp tục thực hiện các công việc chăm sóc, giữ gìn, bảo vệ và phát triển làm cho khu H được sinh động trở lại, đồng thời giữ gìn hồ nước ngọt và tiếp tục giữ đất sạch tại khu vực này bằng chi phí của cá nhân ông H. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh B thay đổi quy hoạch đối với khu vực Hồ Đ trong tương lai thì tạo điều kiện cho ông H và nhà đầu tư mới có thể thỏa thuận hỗ trợ phù hợp với quy định pháp luật và thỏa đáng cho những công sức đóng góp của ông H tại khu vực Hồ Đắng. Nếu không thực hiện được, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh B hỗ trợ thỏa đáng đối với công sức đóng góp của ông trong việc xây cất, chăm sóc, trồng rừng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ khu vực Hồ Đ, giữ gìn đất sạch không tranh chấp trong vòng 30 năm qua. Nhưng các yêu cầu trên của ông H đều không được

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét là không thỏa đáng, chưa đảm bảo được quyền lợi của ông H.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C1 và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H, hủy Văn bản số 8986/UBND-VP ngày 10/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; khôi phục và cho phép Công ty C1 được tiếp tục triển khai Dự án trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty C1 và ông Nguyễn Văn H trình bày: Thống nhất với quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty C1.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Ủy ban nhân dân tỉnh B mới chỉ chấp thuận chủ trương cho Công ty C1 nghiên cứu, khảo sát lập quy hoạch chi tiết 1/500 khu rừng thiên nhiên H, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong thời hạn 12 tháng nhưng chưa có quyết định cho phép Công ty này đầu tư, thực hiện dự án trên. Công ty C1 cũng chưa được cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án Khu R tại xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình thực hiện chủ trương, Công ty C1 không chứng minh được năng lực tài chính. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Văn bản số 8986/UBND-VP ngày 10/9/2018 chấm dứt hiệu lực của Văn bản số 3443/UBND-VP ngày 04/6/2009 là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty C1 và kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty C1 và đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, N bị kiện đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính để xét xử vắng mặt Người bị kiện.

[3] Xét kháng cáo của Công ty C1 và kháng cáo của ông Nguyễn Văn H như sau:

[3.1] Công ty C1 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 02/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10/11/2020 do ông Nguyễn Văn H làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật. Ngày 23/10/2008, Công ty C1 phát hành Văn bản số 12/CMT-2008 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh B xin chủ trương đầu tư xây dựng dự án Khu rừng thiên nhiên H với nội dung sau: Tên dự án đầu tư: Khu R; địa điểm xây dựng: Xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; diện tích sử dụng là 107,25 ha; tổng mức đầu tư dự án là 300 triệu USD.

Trên cơ sở Quyết định số 23/2007/QĐ-UBND ngày 19/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, ngày 04/11/2008 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B ban hành Văn bản số 3151/SKHĐT-ĐTKT đề nghị các Sở: Xây dựng, Tài nguyên Môi trường, V3, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Q và Ủy ban nhân dân huyện X cho ý kiến về chủ trương và địa điểm xây dựng dự án nói trên.

Ngày 03/4/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND quy định về trình tự, thủ tục triển khai Dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây viết tắt là Quyết định số 22). Ngày 06/5/2009, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B ban hành Văn bản số 1025/SKHĐT-ĐTKT báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh B xem xét cho phép Công ty TNHH C1 nghiên cứu, khảo sát lập Quy hoạch chi tiết 1/500 và lập dự án đầu tư.

Ngày 04/6/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Văn bản số 3443/UBND-VP cho phép Công ty C1 nghiên cứu, khảo sát lập quy hoạch chi tiết 1/500 và lập các thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng Khu rừng thiên nhiên Hồ Đ tại xã B, huyện X theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ngày 10/9/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Văn bản số 8986/UBND-VP chấm dứt hiệu lực pháp lý của Văn bản số 3443/UBND-VP ngày 04/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu R, xã B, huyện X. Không đồng ý với cách giải quyết trên, Công ty C1 phát sinh tranh chấp yêu cầu hủy Văn bản số 8986/UBND-VP ngày 10/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

[3.2] Xét thấy, Văn bản số 3443/UBND-VP ngày 04/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh B có nội dung: “Chấp nhận chủ trương đề Công ty C1 nghiên cứu, khảo sát lập quy hoạch chi tiết 1/500 và lập các thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng Khu rừng thiên nhiên Hồ Đ tại xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định hiện hành... Sau khi dự án được thỏa thuận địa điểm, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để lập dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh X quyết định cấp giấy chứng nhận đầu tư theo đúng quy định hiện hành;

thời gian để Công ty C1 nghiên cứu, triển khai dự án là 12 tháng kể từ ngày ký văn bản này, các chi phí nghiên cứu, đầu tư dự án do Nhà đầu tư chi trả. Nếu quá thời hạn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp nhận chủ trương mà nhà đầu tư không triển khai thực hiện, không có lý do chính đáng và không được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận thì văn bản này hết hiệu lực pháp luật, mọi chi phí nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm”. Như vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh B mới chỉ chấp thuận chủ trương cho Công ty C1 nghiên cứu, khảo sát lập quy hoạch chi tiết 1/500 Khu rừng thiên nhiên H, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong thời hạn 12 tháng mà chưa có quyết định cho phép cho Công ty này đầu tư, thực hiện dự án trên. Việc triển khai, thực hiện dự án phải được thực hiện theo Luật Đầu tư năm 2005 và Luật Đầu tư năm 2014, mà theo đó Công ty C1 phải được cấp giấy chứng nhận đầu tư mới đủ điều kiện triển khai, thực hiện dự án. Trường hợp này, Công ty C1 chưa được cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án Khu R tại xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên chưa đáp ứng được tiêu chí trên.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty C1 cho rằng sau khi nhận được Văn bản 3443 đã tiến hành xin thỏa thuận địa điểm để lập quy hoạch chi tiết 1/500, nhưng do có sự chồng lấn ranh với dự án Vườn thú hoang dã Safari nên ngày 10/11/2009, Công ty C1 đã phát hành Công văn số 26/CMT-2009 xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Đến ngày 08/9/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2206/QĐ-UBND giải quyết ranh giới giữa Dự án khu rừng thiên nhiên Hồ Đắc và Dự án Vườn thú hoang dã Safari. Ngày 08/10/2010, Sở Xây dựng ban hành Công văn số 1875/SXD - KTQH đồng ý thỏa thuận địa điểm để khảo sát lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với dự án. Ngày 22/3/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Công ty C1.

Để thực hiện Văn bản 3443 nêu trên, ngày 16/7/2012 Công ty C1 ký hợp đồng tư vấn khảo sát địa hình để lập quy hoạch lập dự án; thiết kế bản vẽ thi công tổng dự toán hạ tầng kỹ thuật dự án; ngày 26/4/2013 ký Hợp đồng rà phá bom mìn, vật nổ công trình số 01/04/CMT với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B. Sau đó đã ký biên bản nghiệm thu số 1498/BB-BCH ngày 22/7/2013; ngày 30/5/2013, ký hợp đồng tư vấn lập báo cáo tác động môi trường và đã được Bộ T3 thẩm định theo Quyết định số 1956/QĐBTNMT ngày 15/9/2014; ngày 23/6/2014, ban hành Báo cáo số 02/06/2014 về tiến độ thực hiện dự án; ngày 05/6/2015, ban hành Công văn số 01/2015/CMT và Công văn số 02/2015/CMT cam kết đảm bảo tài chính và cam kết thực hiện ký quỹ đầu tư để thực hiện dự án.

[3.4] Như vậy trên thực tế, Công ty C1 mới chỉ thực hiện được thủ tục thỏa thuận địa điểm, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; báo cáo đánh giá tác động môi trường; góp ý thiết kế cơ sở, rà phá bom mìn. Theo cam kết thực hiện tiến độ dự án, sau khi hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư, Công ty

C1 sẽ khởi công xây dựng vào năm 2016 và hoàn thành đưa dự án vào hoạt động năm 2020 nhưng trên thực tế Công ty C1 đã không thể thực hiện được.

[3.5] Để chứng minh năng lực tài chính thực hiện Dự án, vào ngày 14/6/2016 Công ty C1 ban hành Công văn số 03/06/2016/CMT về việc cam kết ký quỹ và bảo đảm tài chính để thực hiện dự án nhưng chỉ cung cấp được Giấy xác nhận số dư tài khoản của cá nhân ông Nguyễn Văn H, là người đại diện theo pháp luật của Công ty C1, với số tiền 65.330 USD và 2,89 tỷ đồng; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp cho Công ty C1 với tổng diện tích khoảng 50 ha đất trồng cây công nghiệp và đất trồng cây lâu năm.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Công ty C1 phải có trách nhiệm chứng minh được nguồn vốn chủ sở hữu và khả năng huy động vốn để thực hiện dự án (theo đề xuất của Công ty C1 thì vốn đầu tư dự án là 300 triệu USD). Trên thực tế, trong suốt khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, Công ty C1 vẫn không cung cấp được các tài liệu chứng minh vốn chủ sở hữu 15% so với tổng vốn đầu tư để thực hiện dự án (45 triệu USD) mà chỉ cung cấp được các tài liệu chứng minh năng lực tài chính do cá nhân ông H đứng tên và các khoản đảm bảo tài chính có điều kiện như trên là chưa đủ cơ sở pháp lý.

[3.6] Như vậy, ngoài việc vi phạm thời hạn nghiên cứu, khảo sát, lập quy hoạch chi tiết 1/500 đối với dự án, Công ty C1 còn không chứng minh được năng lực tài chính để thực hiện dự án và chưa đủ điều kiện để đầu tư dự án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty C1 cho rằng không vi phạm thời hạn theo nội dung Văn bản số 3443/UBND-VP ngày 04/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Tuy nhiên, việc vi phạm thời hạn khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 không phải là căn cứ duy nhất để chấm dứt Văn bản 3443 mà vì nhiều căn cứ khác như đã phân tích ở trên, nhất là khi chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế, xã hội của Ủy ban nhân dân tỉnh B có sự thay đổi. Vì vậy, việc ban hành Văn bản số 8986/UBND-VP 10/9/2018 chấm dứt hiệu lực pháp lý của Văn bản số 3443/UBND-VP ngày 04/6/2009 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu R, xã B, huyện X của Ủy ban nhân dân tỉnh B theo thẩm quyền trong trường hợp này là hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty C1 không xuất trình được chứng cứ nào mới có giá trị pháp lý làm thay đổi nội dung và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.7] Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn H: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cho rằng đã đầu tư tài sản trên đất nên yêu cầu được tiếp tục thực hiện Dự án. Tuy nhiên, như đã phân tích trên, Công ty C1 do chính ông H là người đại diện theo pháp luật được xác định là không đủ điều kiện thực hiện dự án, nên yêu cầu này của ông H cũng không có cơ sở chấp nhận. Trường hợp ông H có tranh chấp về tài sản trên đất thì có quyền khởi kiện vụ

án khác.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người khởi kiện.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty C1 phải chịu. Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi nên được miễn.

[6] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 117/2024/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH C1; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 117/2024/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Áp dụng: Điều 48 Luật Đầu tư năm 2014; khoản 2 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm a khoản 1 Điều 8 Quyết định số 23/2007/QĐ-UBND ngày 19/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh B và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C2 hủy Văn bản số 8986/UBND-VP ngày 10/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc chấm dứt hiệu lực pháp lý của Văn bản số 3443/UBND-VP ngày 04 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

2. Chi phí tố tụng: Công ty TNHH C1 tự nguyện chịu 3.000.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ.

3. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Công ty TNHH C1 phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số TU/2020/0009858 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH C1 phải chịu 300.000

đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0002143 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0002144 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 117/2024/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT & KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA - NTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường

